TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/HNGĐ- ST
Ngày: 31-7-2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Hùng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Huề**

2. Ông **Nguyễn Văn Diệu**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Đăng Hạnh** - Thư ký TAND huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tham gia phiên toà: Bà **Bùi Thị Mai**- Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2018/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2018/QĐXX-ST ngày 16 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mai Thị L, sinh năm 1986

Đăng ký HKTT: Thôn V, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

Hiện ở địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện T, tỉnh Hải Dương

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn V, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn V, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(Chị L và anh V có mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên toà, nguyên đơn là chị Mai Thị L trình bày:

Chị kết hôn với Phạm Văn V do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 08/9/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng ra tỉnh Quảng Ninh thuê nhà làm ăn sinh sống hoà thuận đến giữa năm 2009 thì vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh V ham chơi cờ bạc về nhà mắng chửi vợ con; anh V cho rằng chị ăn bán và sống phụ thuộc. Đến tháng 5/2009 chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị tại thôn M, xã M, huyện T, Hải Dương sinh sống cho đến nay. Từ năm 2009 cho đến nay khoảng 2-3 tháng anh V mới về thăm vợ con 1 đến 2 ngày lại đi và không chu cấp tiền nuôi con cho chị, thường xuyên ghen tuông với chị. Thực tế vợ chồng đã ly thân từ năm 2009 đến nay chỉ bằng mặt chứ không bằng lòng. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn anh V.

Chị và anh V có 02 con chung là Phạm Hoài N, sinh ngày 09/6/2006 và Phạm Hồng Q, sinh ngày 21/01/2008. Hiện hai con vẫn ở với chị. Sau khi ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và chị yêu cầu anh V phải góp cấp dưỡng nuôi hai con chung cho chị mỗi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi trưởng thành

Về tài sản: Chị L khai chị và anh V không có tài sản gì chung, không có khoản nợ chung nào. Chị không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản

Bị đơn là anh Phạm Văn V tại bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà đã xác nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị L trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng ra ngoài Móng Cái, Quảng Ninh làm ăn sinh sống hoà thuận đến giữa năm 2009 thì chị L và con về sinh sống cùng nhà bố mẹ đẻ chị L ở T, Hải Dương được khoảng nửa năm thì về nhà chồng sing sống được khoảng 01 năm lại chuyển về Hải Dương sinh sống do có mâu thuẫn và hiểu lầm mẹ chồng. Anh vẫn làm ở Quảng Ninh nhưng thường xuyên về với vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2011 khi anh phát hiện chị L có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác nhưng anh vẫn bỏ qua vì gia đình. Tháng 5/2018 anh sang đón vợ con về nhưng chị L không về. Vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay, chị L làm đơn xin ly hôn, anh không muốn ly hôn vì con cái nhưng chị L vẫn cương quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị L.

Anh và chị L có 02 con chung như chị L đã trình bày là đúng. Hiện nay các con đang ở với chị L. Nguyện vọng của anh xin được nuôi dưỡng cả hai con chung vì cả hai đều là con trai cần có sự giáo dục của bố, con lớn là Hoài N đang có biểu hiện trốn học và cầm dao đi học. Anh không yêu cầu chị L phải góp cấp dưỡng nuôi hai con chung cho anh. Nếu không được nuôi cả hai con, anh xin được nuôi con Hoài N để giáo dục con, còn để chị L nuôi con Hồng Q.

Về tài sản: Anh và chị L không có tài sản gì chung, không có khoản nợ chung nào. Anh không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên toà: *Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; về quan hệ hôn nhân cần xử công nhận cho chị L và anh V thuận tình ly hôn; về quan hệ con chung cần xử giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng con Q, giao cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng con N, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau; về quan hệ tài sản không đặt ra giải quyết. Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Mai Thị L và anh Phạm Văn V xây dựng trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình đăng ký kết hôn vào ngày 08/9/2005 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, theo chị L vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn do anh V ham chơi cờ bạc về nhà mắng chửi vợ con; anh V nghi ngờ chị ngoại tình và cho rằng chị ăn bán anh. Đến tháng 5/2009 chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị tại thôn M, xã M, huyện T, Hải Dương sinh sống và thực tế vợ chồng đã ly thân từ năm 2009 đến nay. Về phía anh V cho rằng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2011 khi anh phát hiện chị L có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác và vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay, chị L làm đơn xin ly hôn và anh nhất trí ly hôn với chị L. Xét mâu thuẫn giữa chị L, anh V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử công nhận cho chị L và anh V được thuận tình ly hôn là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Xét nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con chung của chị L, anh V đều chính đáng và cả hai bên đều có điều kiện nuôi dưỡng con chung; có nơi ở và công việc ổn định. Tuy các con chung đều có ý kiến xin ở với mẹ nhưng căn cứ vào điều kiện nuôi con, hoàn cảnh gia đình của chị L và anh V, cần giao cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng con Hoài N; chị L trực tiếp nuôi dưỡng con Hồng Q là phù hợp. Chị L và anh V không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[3] Về quan hệ tài sản: Chị L và anh V đều không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

[4] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận cho chị Mai Thị L và anh Phạm Văn V được thuận tình ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Mai Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Hồng Q, sinh ngày 21/01/2008; giao cho anh Phạm Văn V trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Hoài N, sinh ngày 09/6/2006. Chị L, anh V không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều được quyền thăm nom con chung.

3. Về án phí: Chị Mai Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị L

đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003656 ngày 14/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Mai Thị L và anh Phạm Văn V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Quỳnh Phụ,
- Các đương sự,
- Chi cục THA dân sự H.Quỳnh Phụ,
- UBND xã Q, H. Quỳnh Phụ,
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thế Hùng